

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM TIỀN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM TIỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM TIEN SERVICE TRADING PRODUCTION INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502509477

**3. Ngày thành lập:** 26/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

77 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0563396999

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                  | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                         | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                         | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                    | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa                        | 4610     |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Không hoạt động tại trụ sở) | 4620     |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                     | 4632     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                        | 4659     |
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                           | 4661     |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ vàng miếng)                                                | 4662     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                | 4663     |
| 12. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                  | 6810     |
| 13. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>( Trừ đấu giá )                   | 6820     |
| 14. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                         | 7120     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội ngoại thất                                                                                          | 7410        |
| 16. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                 | 8110        |
| 17. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129        |
| 18. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                   | 8130        |
| 19. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312        |
| 20. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314        |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320        |
| 22. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101(Chính) |
| 23. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 24. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211        |
| 25. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 26. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 27. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 28. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223        |
| 29. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229        |
| 30. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291        |
| 31. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292        |
| 32. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293        |
| 33. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299        |
| 34. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 35. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 36. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 37. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: MAI VĨNH TRÀ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/09/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 077087002611

Ngày cấp: 10/09/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 935/7/24 Bình Giã, Phường 10, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 935/7/24 Bình Giã, Phường 10, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 27/10/2023 đến ngày 26/11/2023

\* Họ và tên: MAI VĨNH TRÀ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/09/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 077087002611

Ngày cấp: 10/09/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 935/7/24 Bình Giã, Phường 10, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 935/7/24 Bình Giã, Phường 10, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu